TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 184/2017/DS- ST
Ngày: 22/8/2017
V/v: *Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Khưu Hán Quang.

2. Bà Hoàng Mỹ Oanh.

Thư ký phiên tòa: Ông Diệp Xuân Hà – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 22 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 182/2016/TLST- DS ngày 11 tháng 11 năm 2016 về " Tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2017/QĐST- DS ngày 12 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2017/QĐST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hằng N, sinh năm 1970; địa chỉ: 459/9 đường H, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim A; sinh năm 1965, địa chỉ: 506/61H đường L, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện nộp ngày 17/10/2016, Bản tự khai ngày 25/11/2016, Biên bản Hòa giải ngày 14/3/2017 và Biên bản phiên họp kiểm tra công khai chứng cứ và hòa giải ngày 01/6/2017 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hằng N trình bày:

Từ tháng 5/2015 đến năm 2016, bà Nguyễn Thị Hằng N có cho bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim A vay tiền nhiều lần, tính đến ngày 01/9/2016 bị đơn còn nợ bà N tổng cộng là 164.000.000đồng. Bà A có viết Giấy trả nợ ngày 01/9/2016 với tổng số tiền nợ gốc còn thiếu bà N là 164.000.000 đồng và thỏa thuận mỗi tháng trả

3.000.000đ/tháng cho đến khi trả hết số nợ nêu trên, hai bên không tính lãi trên số tiền 164.000.000đồng. Đến ngày 15/9/2016 Bà A thông báo không có khả năng trả nợ cho bà N theo thỏa thuận được và cho đến nay Bà A vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết.

Ngày 22/9/2016 bà N gửi Giấy nhắc nợ và thông báo thời hạn trả nợ hợp lý cho bà Nguyễn Thị Kim A, nội dung thông báo: hạn chót đến hết ngày 10/10/2016 phải trả hết số tiền 164.000.000đồng cho bà Nguyễn Thị Hằng N. Bà A cũng xác nhận là đã nhận được Thông báo đòi nợ nhưng không có khả năng trả số tiền trên cho nguyên đơn.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Kim A trả hết số tiền nợ gốc 164.000.000 (một trăm sáu mươi bốn triệu) đồng cho bà ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật và không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ gốc nêu trên.

Bà N xác định việc cho mượn tiền là tài sản riêng của bà N, không liên quan đến chồng bà N là ông Huỳnh Văn Đ và cũng không liên quan đến chồng Bà A là ông Nguyễn Anh T. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án không đưa ông T và ông Đ vào tham gia tố tụng trong Vụ án.

* Ngày 18/7/2017 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hằng N có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt bà và yêu cầu Tòa án bảo lưu các ý kiến của bà theo như các Biên bản bà đã trình bày tại các buổi làm việc Tòa.

* Tại Biên bản Hòa giải ngày 14/3/2017; Biên bản phiên họp kiểm tra công khai chứng cứ, hòa giải ngày 01/6/2017 và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim A trình bày:

Bà A thừa nhận từ tháng 5/2015 đến 2016, Bà A có vay của bà N nhiều lần, tính đến ngày 01/9/2016 bà còn thiếu bà N tổng cộng số tiền là 164.000.000đồng nợ gốc. Bà A có viết Giấy trả nợ nội dung còn thiếu bà N 164.000.000đồng, Giấy nợ không thỏa thuận trả lãi, không có thời hạn trả cụ thể, chỉ quy định trả hàng tháng là 3.000.000 đồng vào ngày 15 và 30 hàng tháng. Việc bị đơn thỏa thuận hàng tháng trả 3.000.000đồng là do bà N làm áp lực buộc bà phải trả 3.000.000đồng/tháng, nhưng bà chỉ có khả năng trả 2.000.000đồng/tháng cho đến khi hết số tiền nợ gốc trên. Từ lúc ký Giấy trả nợ ngày 01/9/2016 đến nay Bà A không trả tiền theo thỏa thuận cho bà N được vì bà hiện rất khó khăn.

Bà A xác nhận Nguyên đơn có gửi Thông báo yêu cầu Bà A trả hết số nợ 164.000.000đồng do bà vi phạm thỏa thuận không trả tiền hàng tháng theo cam kết trả nợ đã ký.

Nay nguyên đơn yêu cầu bà phải trả hết số tiền 164.000.000đồng nợ gốc bà không có khả năng, tại phiên tòa Bà A xin trả dần hàng tháng là 3.000.000đ/tháng cho đến khi hết số nợ nói trên.

Bà A xác định việc vay mượn tiền là nợ riêng giữa bà N và Bà A, không liên quan đến chồng bà N là ông Huỳnh Văn Đ và chồng Bà A là ông Nguyễn Anh T. Yêu cầu Tòa án không đưa ông T và ông Đ vào tham gia tố tụng trong Vụ án.

* Tại Bản tự khai ngày 25/11/2016 và Bản tự khai ngày 14/3/2017 ông Huỳnh Văn Đ (chồng bà N) và ông Nguyễn Anh T (chồng Bà A) đều xác định không liên quan đến khoản vay nợ đang tranh chấp và yêu cầu Tòa án không đưa ông Đ và ông T vào tham gia tố tụng trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có nhận định:

Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Hằng N và bà Nguyễn Thị Kim A là tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn cư trú tại Quận 11 nên căn cứ theo Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11.

Ngày 18/7/2017 nguyên đơn có Đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn do đang bị bệnh nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại điểm a Khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Xét yêu cầu của các đương sự:

- Đối với yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ vào bản chính Giấy trả nợ ngày 01/9/2016 do bị đơn viết và ký nhận, căn cứ vào lời khai của các đương sự tại buổi hòa giải và tại phiên tòa: bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 164.000.000đồng. Xét thấy đã có đủ cơ sở xác định bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền trên. Hai bên thống nhất về khoản nợ vay nhưng không thống nhất phương thức trả nợ,

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 474 Bộ Luật dân sự 2005 *" Bên vay tài sản là tiền phải trả đủ tiền khi đến hạn* ". Giấy trả nợ ngày 01/9/2016 không quy định rõ thời hạn trả nợ nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005: "*Đối với Hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản vào bất cứ lúc nào nhưng phải báo trước một thời gian hợp lý* ". Nguyên đơn đã báo trước thời hạn đến ngày 10/10/2016 phải trả hết số tiền 164.000.000đồng nhưng bị đơn vẫn không thực hiện. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ theo Hợp đồng vay, đến hạn trả nợ ngày 10/10/2016 vẫn không thực hiện việc trả nợ. Vì vậy, căn cứ vào những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim A phải trả số nợ gốc 164.000.000 đồng đã vay là có cơ sở.

* Xét yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Kim A :

Tại phiên tòa, Bị đơn đồng ý trả số tiền 164.000.000 đồng nhưng xin trả dần hàng tháng 3.000.000đồng/tháng cho đến khi thanh toán hết số nợ 164.000.000đồng.

Xét thấy yêu cầu của bị đơn như trên không được phía nguyên đơn chấp thuận, đồng thời việc trả dần số tiền 3.000.000đồng/tháng khiến thời gian trả nợ kéo dài gây ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng

xét xử nhận thấy cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 164.000.000 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị Kim A trả cho bà Nguyễn Thị Hằng N số tiền 164.000.000 đồng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

* Về án phí: Căn cứ vào Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 của Ủy ban thường vụ Quốc hội có hiệu lực thi hành từ ngày 01-7-2009; Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền mà nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận. Số tiền án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu là 8.200.000 (tám triệu hai trăm nghìn) đồng, nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự Quận 11.

Hoàn trả số tiền án phí nguyên đơn đã nộp;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 271, Điều 273, 278 và Điều 280 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 474 và Điều 477 của Bộ Luật Dân sự 2005;

Căn cứ vào Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 của Ủy ban thường vụ Quốc hội có hiệu lực thi hành từ ngày 01-7-2009 quy định về án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hằng N, buộc bà Nguyễn Thị Kim A trả cho bà N số tiền 164.000.000 (một trăm sáu mươi bốn triệu) đồng, yêu cầu trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Kim A chậm thực hiện nghĩa vụ nêu trên thì Bà A còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả cho bà N theo mức lãi suất 10%/năm trên số tiền còn thiếu tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Kim A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.200.000 (tám triệu hai trăm nghìn) đồng, nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự Quận 11.

Hoàn trả số tiền án phí đã nộp là 4.100.000 (bốn triệu một trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AG/2014/0003502 ngày 27/10/2016 của Chi Cục thi hành án dân sự Quận 11 cho bà Nguyễn Thị Hằng N.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Nguyễn Thị Hằng N vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bà N nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mỹ Duyên